

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**  
**CHUYÊN NGÀNH: LÍ LUẬN VĂN HỌC**  
**MÃ SỐ: 60 22 01 20**

**HÀ NỘI, 2016**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VĂN HỌC

Mã số: 60 22 01 20

(Ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20 tháng 3 năm 2016)

## I. KHÁI LƯỢC CHƯƠNG TRÌNH

1. **Chuyên ngành đào tạo:** Lý luận văn học
2. **Mã số:** 60 22 01 20
3. **Đơn vị quản lý:** Bộ môn Lý luận văn học, Khoa Ngữ văn
4. **Các ngành dự thi**

### 4.1 Ngành đúng, phù hợp:

CN Văn học,  
CN Ngữ văn  
SP Văn học,  
SP Ngữ văn

### 4.2 Ngành gần:

SP Văn – Sử,  
SP Văn - Địa,  
SP Văn – GDCD;  
Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam;  
Hán Nôm, Việt Nam học;  
Sáng tác văn học

## 5. Mục tiêu:

Sau khi tốt nghiệp, các thạc sĩ chuyên ngành *Lý luận văn học* có thể trở thành chuyên gia lý luận văn học tại các trường phổ thông, có khả năng đón đầu và triển khai hiệu quả việc đổi mới căn bản và toàn diện thực tiễn giáo dục ở các trường phổ thông hiện nay; có thể tham gia giảng dạy lý luận văn học ở các trường Cao đẳng và Đại học; có thể tham gia nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên ngành; đồng thời có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt trình độ tiến sĩ.

## 6. Chuẩn đầu ra:

### 6.1 Kiến thức:

- Trang bị cho học viên các tri thức ở trình độ cao về lý luận văn học để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy lý luận văn học, ngôn ngữ văn học và các vấn đề phương pháp luận nghiên cứu, giảng dạy văn học.

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để cập nhật những kiến thức khoa học, hiện đại về lý luận văn học và có thể tiếp tục nghiên cứu, học tập ở trình độ tiến sĩ.

- Nắm vững và vận dụng sáng tạo các tri thức lý luận vào thực tiễn dạy học văn học trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.

### 6.2 Kỹ năng:

- Hình thành và phát triển những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu lý luận văn

học;

- Có khả năng vận dụng các thành tựu của LLVH vào thực tiễn dạy học văn học ở nhà trường Đại học, Cao đẳng và nhà trường PT.

- Phát triển kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; nâng cao các kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác, dự án và nghiên cứu khoa học Ngữ văn.

- Kỹ năng tư duy sáng tạo; tư duy phản biện; có khả năng giải mã và đánh giá các hiện tượng văn học phức tạp trong thực tiễn đời sống...

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một bài báo hay bài phát biểu về các chủ đề liên quan đến ngành được đào tạo.

### **6.3 Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn:**

Chứng chỉ B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### **6.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Đề xuất những sáng kiến có giá trị, có những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy LLVH.

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

- Có khả năng tự định hướng, phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với các môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

## **7. Cấu trúc chương trình:**

- Các môn chung: 12 tín chỉ

- Kiến thức cơ sở: 18 tín chỉ

- Kiến thức chuyên ngành: 20 tín chỉ

- Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

## **8. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần:**

- Số học phân: 5; tổng tín chỉ: 15

- Tên các học phần (*tên, mã số HP, số tín chỉ*)

- 1) Văn học VN hiện đại (3),

- 2) Văn học Việt Nam trung đại (3),

- 3) Ngôn ngữ học đại cương (3),

- 4) Văn học nước ngoài (3),

- 5) Lí luận văn học (3)....

## II. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

| STT   | Mã số môn học |         | Tên môn học   | Tổng số TC | Số tín chỉ lý thuyết | Số tín chỉ thực hành | Số giờ tự học |
|---|---------------|---------|---|------------|----------------------|----------------------|---------------|
|   | Phần chữ      | Phần số |   |            |                      |                      |               |
| <b>CÁC MÔN CHUNG</b>                                    |               |         |   | <b>12</b>  |                      |                      |               |
| 1.  | PHIL          | 502     | Triết học   | 4          | 70%                  | 30%                  | 120           |
| 2.  | ENGL          | 503     | Tiếng Anh   | 5          | 2                    | 3                    | 150           |
| 3.  | CMMS          | 504     | Chương trình, Phương pháp và Kỹ năng dạy học hiện đại | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| <b>CÁC MÔN CƠ SỞ</b>                                    |               |         |   | <b>18</b>  |                      |                      |               |
| <b>1. Các môn cơ sở bắt buộc</b>                        |               |         |   | <b>9</b>   |                      |                      |               |
| 3   | LITE          | 511     | Thi pháp học  | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 4   | LITE          | 512     | Ngôn ngữ và văn học                                   | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 5   | LITE          | 513     | Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học      | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| <b>2. Các môn cơ sở tự chọn</b><br>(chọn 3 trong 9 môn) |               |         |   | <b>9</b>   |                      |                      |               |
| 6   | LITE          | 521     | Môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông                | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 7   | LITH          | 522     | Tiếp nhận văn học                                     | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 8   | LITH          | 523     | Những vấn đề lý luận của văn học so sánh              | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 9   | LITH          | 524     | Các thể loại văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam        | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 10  | LITH          | 525     | Văn xuôi Việt Nam sau năm 1975                        | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 11  | LITH          | 526     | Tiểu thuyết Minh – Thanh                              | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 12  | LITH          | 527     | Tiểu thuyết Nga thế kỉ XIX - XX                       | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 13  | LITH          | 528     | Tiểu thuyết Mỹ thế kỷ XIX-XX                          | 3          | 2                    | 1                    | 90            |
| 14  | LITH          | 529     | Tiểu thuyết Pháp thế kỉ XIX - XX                      | 3          | 2                    | 1                    | 90            |

### II. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

**20**

#### 1. Các môn chuyên ngành bắt buộc

**11**

|    |      |     |                                     |   |   |   |    |
|----|------|-----|-------------------------------------|---|---|---|----|
| 15 | LITH | 541 | C. Marc - Ph. Enghels - V. I. Lenin | 2 | 1 | 1 | 60 |
|----|------|-----|-------------------------------------|---|---|---|----|

|  |      |     |  |                   |           |   |    |
|--|------|-----|--|-------------------|-----------|---|----|
|  |      |     | – ĐCSVN và những vấn đề lý luận<br>văn nghệ                |                   |           |   |    |
| 16                                     | LITH | 542 | Văn học, một loại hình nghệ thuật                          | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 17                                     | LITH | 543 | Loại thể văn học và vấn đề nghệ<br>thuật xây dựng nhân vật | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 18                                     | LITH | 544 | Phê bình văn học   | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| <b>2. Các môn chuyên ngành tự chọn</b> |      |     |  | <b>09</b>         |           |   |    |
| (chọn 3 trong 7 môn học sau)           |      |     |  |                   |           |   |    |
| 19                                     | LITH | 551 | Thơ và một số quan niệm về thơ<br>Việt Nam hiện đại        | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 20                                     | LITH | 552 | Lý luận và lịch sử văn học kịch<br>Việt Nam thế kỷ XX      | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 21                                     | LITH | 553 | Lý luận tiểu thuyết Việt Nam hiện<br>đại                   | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 22                                     | LITH | 554 | Chủ nghĩa cấu trúc và hướng<br>nghiên cứu                  | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 23                                     | LITH | 555 | Vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong<br>văn học Việt Nam       | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 24                                     | LITH | 556 | Những vấn đề về phong cách nghệ<br>thuật                   | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| 25                                     | LITH | 557 | Chủ nghĩa hậu hiện đại                                     | 3                 | 2         | 1 | 90 |
| <b>Luận văn</b>                        |      |     |  | <b>10</b>         |           |   |    |
| <b>Tổng cộng:</b>                      |      |     |  | <b>16 môn học</b> | <b>60</b> |   |    |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**PHIL 502 TRIẾT HỌC 4 (70%, 30%)**

**1. Thông tin về giảng viên:**

1.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Hồng Loan** Chức danh: tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Giáo dục Chính trị
- Email: [tranhongloansp2@gmail.com](mailto:tranhongloansp2@gmail.com) Điện thoại: 0988930166
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường ĐHSP Hà Nội 2
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác-Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, môi trường, quản lý nhà nước về giáo dục

1.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Minh Thảo** Chức danh: tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Giáo dục Chính trị
- Email: [thaominh030@gmail.com](mailto:thaominh030@gmail.com) Điện thoại: 0984182703
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường ĐHSP Hà Nội 2
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác-Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa, tôn giáo, dân chủ, mỹ học

**2. Đơn vị phụ trách học phần**

1. Bộ môn: Triết học
2. Khoa: Giáo dục Chính trị

**3. Điều kiện tiên quyết:** không

**4. Mô tả nội dung học phần**

Môn học dành cho đối tượng học viên sau đại học ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

**5. Mục tiêu của học phần**

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.